

KHÔNG NÊN QUÁ THIÊN VỀ QUAN ĐIỂM KINH TẾ TRONG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

NGUYỄN QUỐC LUẬT *

Trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tích cực hội nhập quốc tế và xa hơn nữa tiến tới phát triển kinh tế tri thức, vấn đề giáo dục, đào tạo ở nước ta có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Nhưng quan điểm hiệu quả kinh tế trong giáo dục, đào tạo như thế nào đang là vấn đề "nóng" của dư luận xã hội.

1 - Cơ sở lý luận

Trong kinh tế thị trường, người lao động bán sức lao động của mình tức là sức lao động đã trở thành hàng hóa. Cũng như các hàng hóa khác, hàng hóa sức lao động có 2 thuộc tính: giá trị sử dụng và giá trị.

Về mặt giá trị, hàng hóa sức lao động cũng do lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra nó quyết định. Song, nó lại có đặc điểm là không thể tính trực tiếp mà tính gián tiếp bằng:

+ Giá trị các hàng hóa và dịch vụ đáp ứng các nhu cầu vật chất và tinh thần của người lao động để có thể tiếp tục làm việc bình thường.

+ Giá trị các hàng hóa và dịch vụ cần thiết để nuôi sống gia đình người lao động.

+ Giá trị hàng hóa và dịch vụ cần thiết để đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của người lao động.

Mức độ và phương thức thỏa mãn những nhu cầu nêu trên tùy thuộc vào trình độ văn minh và những điều kiện, thói quen và nhu cầu sinh hoạt của người lao động ở mỗi nước.

Về mặt giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động, đó là cung ứng được lao động, nhờ vậy mà có thể tạo ra được sản phẩm hoặc một hoạt động có ích thỏa mãn được nhu cầu của người mua. Đặc điểm giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động là:

+ Khi được sử dụng, công dụng của nó không mất đi mà vẫn được duy trì, hơn nữa còn có thể tăng thêm nhờ kinh nghiệm và năng lực chuyên môn nghề nghiệp được trau dồi.

+ Khi được sử dụng, nó tạo ra một lượng giá trị - công dụng mà không hàng hóa nào có được, hơn nữa lại tạo ra được lượng giá trị lớn hơn giá trị của bản thân nó. Bộ phận lớn hơn đó chính là giá trị thặng dư; bộ phận hết sức quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến sự tăng trưởng kinh tế của bất cứ chế độ xã hội nào.

Như vậy, giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với xã hội. Nó có được tiêu dùng thì mới bảo đảm được các nội dung sau: giá trị sức lao động được

* TS Trường đại học Thủy lợi

thực hiện cũng tức là bảo đảm được đời sống không chỉ của bản thân, mà còn của cả gia đình người lao động; tạo điều kiện cho sức lao động được trau dồi kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, góp phần tăng năng suất trong hoạt động; không để xã hội bị lãng phí, bị tụt hậu vì sức lao động không được sử dụng, hơn nữa không phải nuôi một số người không lao động vì không có việc làm; tăng được thu nhập quốc dân, không chỉ tăng thêm được ngân sách bảo đảm cho bộ máy nhà nước hoạt động tốt hơn, mà còn phòng chống có hiệu quả các tệ nạn xã hội, bảo đảm tốt an ninh, an toàn xã hội; tạo điều kiện để nâng cao dân trí, thực hiện văn minh, công bằng, dân chủ và xã hội tiến bộ hơn.

Song, không phải bất cứ giá trị sử dụng nào của sức lao động cũng dễ dàng được thực hiện. Là hàng hóa, nên sức lao động cũng phụ thuộc vào quy luật cung cầu. Cầu về sức lao động trong xã hội là do yêu cầu về số lượng và chất lượng của mỗi loại giá trị sử dụng sức lao động nhất định phù hợp với mỗi một loại ngành nghề trong xã hội. Trong thời đại hiện nay, cũng về giá trị sử dụng sức lao động này chủ yếu phụ thuộc vào vấn đề giáo dục, đào tạo của đất nước, vì cầu về giá trị sử dụng sức lao động đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn nhất định. Cân đối cung - cầu về giá trị sử dụng sức lao động này là vấn đề hết sức khó khăn, phức tạp. Hiện tượng thừa ở ngành này, thiếu ở ngành kia, chất lượng đào tạo không đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động hay hiện tượng thất nghiệp, thiếu việc làm vẫn đang diễn ra khá phổ biến.

2 - Yêu cầu của thực tiễn

Với việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, gia nhập WTO, các nhu cầu trên lại càng trở nên bức xúc. Hiện nay, mặc dù chúng ta có lực lượng lao động đông đảo, 70% là lao động trẻ khỏe, song mặt bằng về trình độ chuyên môn, tay nghề của người lao động còn rất thấp. Hiện có 74,7% lực lượng lao động chưa qua đào tạo, tập trung phần lớn ở nông thôn. Tình trạng thiếu hụt trầm trọng về lực lượng lao động kỹ thuật thực hành, lao động kỹ thuật cao,

các chức danh quản lý như giám đốc nhà máy, giám đốc ma-két-tinh, trưởng phòng, trưởng dự án,... khiến nhiều doanh nghiệp không triển khai hoạt động được hoặc hoạt động không mang lại hiệu quả. Kết quả điều tra của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành ở 63.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa cho thấy: 55,63% số chủ doanh nghiệp có học vấn trung cấp trở xuống, trong đó có 43,3% số chủ có trình độ học vấn sơ cấp và phổ thông các cấp. Số người có trình độ trung cấp trong các doanh nghiệp ở nông thôn chỉ chiếm 9,8%.

Tình hình trên do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là giáo dục, đào tạo của ta còn yếu kém. Đến nay cả nước ta có 311 cơ sở giáo dục đại học (bao gồm cả học viện và cao đẳng), 236 trường dạy nghề, 400 trung tâm dạy nghề, nhưng chưa có một cơ sở nào đúng nghĩa và đủ năng lực đào tạo nhân lực cho các ngành sử dụng công nghệ cao, nhân sự cao cấp và các chức danh quản lý phù hợp với mô hình doanh nghiệp hiện tại, vì chúng ta chưa có một trường đại học, cao đẳng nào được xếp hạng có uy tín trong khu vực và thế giới; chưa có một trường đại học nào có được "thương hiệu" đủ để thu hút nhiều sinh viên quốc tế đến học.

Thực tế đó đang đặt ra một nhiệm vụ vô cùng nặng nề đối với nền giáo dục, đào tạo trong việc đáp ứng nhu cầu cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cho nền kinh tế nước ta hiện nay. Đó là chưa nói trong điều kiện hội nhập để tiến đến nền kinh tế tri thức sẽ còn phải cố gắng gấp bội mới đáp ứng nhu cầu cung ứng sức lao động với giá trị sử dụng có năng lực sáng tạo. Năng lực sáng tạo là năng lực có khả năng hệ thống hóa cái đã và đang được tạo ra để hoàn thành một công nghệ mới, một phương cách hoạt động mới hoặc một sản phẩm mới có tính ưu việt hơn, tiện ích hơn. Nó hoàn toàn khác với năng lực vận dụng thể lực và trí tuệ để tạo ra các giá trị sử dụng dập khuôn theo nguyên mẫu có công thức đã lập trình sẵn, sự vận động của năng lực lao động dập khuôn hoạt động phụ thuộc hoàn toàn vào quy trình công nghệ theo quy tắc đã được quy định sẵn từ trước. Trong thực tế, năng lực lao động dập khuôn và năng lực lao động sáng tạo luôn tồn tại trong một cơ

thể sức lao động. Song, trong nền kinh tế tri thức, năng lực lao động sáng tạo chiếm ưu thế hơn và tỷ trọng cao hơn trong bản thân sức lao động. Chính năng lực lao động sáng tạo này đã làm cho giá trị sức lao động được tăng lên, đồng thời tạo ra nhiều giá trị sử dụng đa dạng, phong phú, tiện ích hơn cho xã hội, làm tăng nhanh giá trị thặng dư, đẩy nhanh và mạnh hơn tốc độ tăng trưởng nền kinh tế xã hội.

Nếu nền giáo dục, đào tạo không cung ứng sức lao động có năng lực sáng tạo cao, thì nền kinh tế nước ta sẽ càng tụt hậu, khoảng cách chênh lệch sẽ càng gia tăng so với các nước. Nguy cơ hơn là trong quá trình hội nhập các ngành công nghệ cao, các chức danh quản trị, quản lý, điều hành sẽ dần bị sức lao động nước ngoài nhập vào thay thế. Như vậy, lời giải của bài toán "chọn thế mạnh" là ở đây. Càng đầu tư vào năng lực lao động sáng tạo, sản phẩm càng có giá trị, thì càng giảm bớt gánh nặng lao động chân tay, bớt đi sản phẩm thô xuất khẩu. Hãy xem một con tính nhỏ: Để thu về 500 USD, người thợ mỏ phải đào để xuất đi 5 tấn than, nông dân phải bán 2 tấn gạo, trong khi hãng Sony bán 1 ti-vi chỉ nặng khoảng 10kg, còn Microsoft bán phần mềm trọng lượng chỉ là 0kg. Vấn đề này không phải là nước ta không làm được.

Theo quan điểm của Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO), giáo dục là một quyền lợi cơ bản của con người và bất cứ ai trên cơ sở xứng đáng, cũng có quyền tiếp cận giáo dục đại học. Vì vậy, giáo dục, kể cả giáo dục đại học thường được xem là lĩnh vực phi thương mại. Song, khi gia nhập WTO, giáo dục nước ta khó có thể không thừa nhận tính thị trường. Quả thật, nếu ngân sách nhà nước đủ bảo đảm cho mọi người được học miễn phí hay chỉ trả sau khi đi làm đạt được một mức lương nhất định, thì đó là điều tốt nhất

mà nhiều nước tiên tiến trên thế giới đã làm và phù hợp với truyền thống coi trọng sự nghiệp "trồng người" của nước ta. Nhưng trong khi nguồn tài chính của Nhà nước chưa cho phép thì gánh nặng này phải được tư nhân cùng san sẻ để có hệ thống giáo dục mở rộng hơn, số con em được học lên bậc cao sẽ nhiều hơn.

Điều mà ngành giáo dục cần quan tâm là, theo cam kết với WTO thì từ năm 2009 trở đi, nhà đầu tư nước ngoài được phép mở cơ sở giáo dục 100% vốn của họ và có quyền đưa giáo viên của họ đến giảng dạy tại Việt Nam. Thị trường giáo dục đại học Việt Nam được các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá là một thị trường giàu tiềm năng do hệ thống

các trường đại học ở Việt Nam hiện nay cũng như một thời gian nữa hoàn toàn không có khả năng đáp ứng yêu cầu đại chúng hóa và nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Ngoài các nước như Mỹ, Anh, Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân, Nhật Bản, Pháp, Hà Lan... đang có nhu cầu lớn về xuất khẩu giáo dục, các nước trong khu vực như Trung Quốc, Ấn Độ, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan cũng đang tìm cơ hội đầu tư vào giáo dục đại học nước ta.

Thực tế, trước khi gia nhập WTO, giáo dục đại học của nước ta cũng đã làm quen với các hình thức hội nhập với giáo dục quốc tế như đã nhập khẩu chương trình từ nước ngoài, cho phép cơ sở đào tạo của nước ngoài mở trường, cho phép giáo viên nước ngoài vào giảng dạy, đưa lưu học sinh ra nước ngoài du học ... Những sự hợp tác đó, trước nay được thực hiện dưới hình thức song phương, tức là chúng ta được lựa chọn đối tác. Vào WTO, đến năm 2009 nước ta phải mở cửa dịch vụ giáo dục cho tất cả các nước thành viên WTO, người học có cơ hội để được hưởng thụ nền giáo dục tiên tiến hơn, nhưng đối với giáo dục, đào tạo tình hình sẽ phức tạp hơn, cạnh tranh sẽ gay gắt, nếu không tự khẳng định

Thời điểm để nước ta mở cửa dịch vụ giáo dục cho tất cả các thành viên WTO đang đến gần. Vấn đề không chỉ là sự cạnh tranh gay gắt làm cho nhiều trường đại học trong nước khó có thể đứng vững, mà còn là vấn đề bảo vệ nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

thì một số trường đại học của nước ta khó có thể đứng vững được.

Đó là chưa nói đến vấn đề nan giải hiện nay, bảo vệ nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc như thế nào; bảo vệ độc lập tự chủ ra sao..., khi con người lại đặt dưới sự "dạy dỗ" của "thế giới"?! Bởi vậy, không thể xem nhẹ vai trò quản lý của Nhà nước đối với ngành giáo dục đào tạo. Ở đây không chỉ là việc cho hay không cho phép "khởi nghiệp" hàng loạt các cơ sở đào tạo, mà là quản lý các "dây chuyền" cung cấp kiến thức, định lượng kiến thức, cũng như kiểm soát chất lượng loại sản phẩm đặc biệt này - sản phẩm quyết định tương lai của cả dân tộc. Và như vậy, không thể chỉ nhìn thấy hiệu quả kinh tế thiên cặn, thực dụng của loại hình dịch vụ đặc biệt theo kiểu "lấy thu - bù chi", xã hội mà trước hết là Nhà nước phải đầu tư thỏa đáng, đồng thời kiểm soát hiệu quả việc sử dụng mới là vấn đề đáng bàn.

Sức ép về nguồn nhân lực cần được đào tạo nhanh, nhiều, nhất là nguồn nhân lực có trình độ cao đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tăng số lượng và nâng cao chất lượng các trường đại học, cao đẳng, cố gắng đạt chuẩn quốc tế. Bất cứ nội dung, chương trình của các trường đều phải bảo đảm được 3 tiêu chí: *Hiện đại* (bảo đảm kiến thức chung của nhân loại), *Thực tiễn* (đào tạo sát với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam); *Đặc thù* (phù hợp với đối tượng sinh viên Việt Nam). Như vậy, mục tiêu đã rõ ràng, từ yêu cầu phát triển của đất nước đến thực tiễn của lộ trình hội nhập đặt ra cho các trường đại học, cao đẳng sứ mệnh phải thực sự đào tạo nhân tài cho đất nước. Muốn đào tạo nhân tài thì phải đặt chất lượng đào tạo lên hàng đầu, phải làm hết sức mình vì chất lượng đào tạo.

Liệu chúng ta có thể đào tạo được số lượng nhiều sinh viên với chất lượng cao trong điều kiện mức đầu tư của Nhà nước thấp không? Câu trả lời là có thể bằng việc xã hội hóa giáo dục, đào tạo. Song, điều cần phải xác định rất rõ trong nhận thức của mọi người là dịch vụ giáo dục là một dịch vụ rất đặc thù. Muốn con em

mình được hưởng chất lượng đào tạo cao thì phải có nhiều tiền. Điều đó đúng, nhưng ngược lại, không phải cứ có nhiều tiền là con em đã được hưởng nền giáo dục tốt nhất, vì chất lượng giáo dục còn phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên, mà trong cơ chế thị trường, với điều kiện thực tế hiện nay của Việt Nam, điều này không dễ gì được bảo đảm. Chưa kể, mục tiêu của chúng ta là đào tạo được nguồn nhân lực giỏi, mà điều này còn phụ thuộc ở sự tuyển chọn đầu vào của các trường đại học, cao đẳng, nếu các trường tuyển chọn được học sinh giỏi, lại được đào tạo bởi đội ngũ giáo viên giỏi thì kết quả như mong muốn, nhưng nếu người được vào học không giỏi mà vẫn được học vì có nhiều tiền thì liệu có chắc chắn rằng sẽ không có tiêu cực, hay một sự nuông nhẹ để vẫn cho họ sau này được tốt nghiệp không? Đây là vấn đề rất hệ trọng, bởi vì, nếu không, chúng ta sẽ xa rời mục đích ban đầu và sẽ cung cấp cho xã hội một lớp người tuy có bằng cấp cao, nhưng không có đủ kiến thức thực chất. Tệ hơn nữa, họ sau này lại nắm giữ các vị trí quan trọng trong các đơn vị, phán xét người khác, điều hành hoạt động trong các đơn vị đó. Còn người có tài năng, nhưng vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn sẽ không bao giờ tiếp cận được những thành quả của nền giáo dục đã được bao thế hệ xây dựng, vun đắp.

3 - Giải pháp nào cho giáo dục hiện nay?

Từ thực tế và những yêu cầu trên, để phát triển giáo dục, trước mắt nên tập trung thảo luận để có những giải pháp tối ưu trên một số nội dung sau:

Thứ nhất: bên cạnh giải pháp trao quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội cho các trường ở những nội dung: tuyển sinh, tài chính, nhân sự và nội dung chương trình đào tạo, phải có những biện pháp nhằm bảo đảm chất lượng giáo dục thực sự, như có quy định khung điểm chung tối thiểu cho tuyển sinh ở các cấp, bậc học; hằng

năm có đánh giá xếp loại uy tín, chất lượng giáo dục của các trường theo một tiêu chí chung, có sự bình xét của những nhà sử dụng lao động, các gia đình có con em học tập trong các trường đó; hoặc căn cứ số lượng học sinh quốc tế đang theo học ở những trường này để đánh giá uy tín của trường....

Thứ hai: trường được tự chủ về mặt tài chính, tự bảo đảm thu chi, coi đó như một động lực kích lệ các cơ sở giáo dục cung cấp dịch vụ giáo dục có chất lượng cao. Tuy nhiên, ngoài mục đích lợi nhuận phải có thêm những quy định như cơ sở giáo dục cần trích tỷ lệ phần trăm cho quỹ dự trữ, nghiên cứu khoa học, quỹ nâng cao điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giảng dạy và học tập tốt hơn, đầu tư thỏa đáng cho bồi dưỡng giáo viên giỏi và khen thưởng học sinh giỏi... Chế độ học phí cũng cần được sửa đổi, mặc dù gắn với mức độ chất lượng giáo dục được cung cấp theo cơ chế thị trường, chứ không thu bình quân, nhưng phải được quy định tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, từng đối tượng theo hướng khuyến khích học sinh tài năng. Chẳng hạn, sinh viên quá nghèo hoặc sinh viên giỏi được miễn học phí, hay có học bổng, còn nếu có khả năng phát triển và muốn đi du học thì có thể có chế độ cho vay trả góp sau khi đi làm.

Thứ ba: khâu quyết định để nâng cao chất lượng đào tạo là đội ngũ giáo viên giảng dạy bao gồm từ các cấp phổ thông đến đại học. Tuy nhiên, hệ thống các trường sư phạm của nước ta hiện khá dàn trải, số lượng khá nhiều, mà chất lượng vẫn chưa cao. Một vấn đề cấp bách về đội ngũ giáo viên nữa là cung ứng giảng viên cho các trường đại học, cao đẳng. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên hiện nay ở mức 28,55, trong khi mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 phải đạt: đối với ngành năng khiếu là 5-10 sinh viên/giảng viên, ngành khoa học kỹ thuật và công nghệ là 10 - 15 sinh viên/giảng viên, ngành khoa học xã hội và nhân văn là 20 - 30 sinh viên/giảng viên; hơn nữa quy mô sinh viên lại tăng đến 3,5 lần thì nhu cầu giáo viên sẽ lớn biết chừng nào. Cũng cần nói rõ thêm là giảng viên có trình độ

tiến sĩ của nước ta hiện mới chỉ đạt ở mức quá thấp là 7,9%; phó giáo sư và giáo sư 1,57%. Ở các trường dân lập, tỷ lệ này lại càng thấp hơn (trong tổng số 5.012 giảng viên của 19 trường đại học dân lập chỉ có 35 giáo sư (chiếm 0,7%), 78 phó giáo sư (chiếm 1,56%) và 206 tiến sĩ (chiếm 4,11%).

Giải quyết vấn đề này, ngay từ bây giờ phải nỗ lực cấp tốc đào tạo, bồi dưỡng. Ngoài đào tạo trong nước, phải mạnh dạn mở rộng hơn nữa việc thực tập, bồi dưỡng, tu nghiệp, đào tạo ở nước ngoài, đi đôi với chính sách khuyến khích ưu đãi Việt kiều có trình độ, tài năng về tham gia giảng dạy.

Thứ tư: đầu tư cho giáo dục, đào tạo để đáp ứng nhu cầu về giảng viên, nhân sự cao cấp cho các trường đại học và cao đẳng đối với nước ta là một nguồn chi rất lớn. Song, không nên tính lỗ lãi việc đầu tư cho giáo dục, đào tạo một cách đơn giản, trực tiếp trong ngắn hạn. Bởi vì, nếu tính chi lý về mặt kinh tế thì so sánh số tiền chi ra để đầu tư với số tiền thu lại trên cơ sở số thu của thuế thu nhập cá nhân, cùng số giá trị thặng dư mà nhận lực được giáo dục đào tạo đem lại hàng năm đã thấy có nguồn lợi rất lớn rồi. Đầu tư cho giáo dục, đào tạo là đầu tư cho sự tiến bộ, hưng thịnh, phát triển kinh tế, phục vụ ngày càng tốt hơn cho tiêu dùng vật chất và tinh thần của xã hội, từ đó càng nâng cao vị thế của nước nhà trên trường quốc tế. Vì vậy, cùng với biện pháp xã hội hóa, Nhà nước cần có sự quan tâm đầu tư thích đáng hơn cho giáo dục, đào tạo - lĩnh vực quyết định tương lai của đất nước. Thị trường giáo dục, đào tạo cũng không thể để tự phát, mà phải được sự định hướng mạnh mẽ của Nhà nước. Nếu Nhà nước và ngành giáo dục, đào tạo để ra cơ chế, chính sách xã hội hóa đúng, cùng với những quy định cụ thể, rõ ràng, bảo đảm sự minh bạch trong thu chi, trên nền tảng môi trường xã hội, giáo dục lành mạnh, hạn chế thấp nhất những tiêu cực, yếu kém, thì chắc chắn sẽ tạo điều kiện cho các trường thật sự tự chủ, phấn đấu đạt chất lượng cao, tạo niềm tin trong nhân dân, đưa đất nước ngày càng tiến nhanh đến nền kinh tế tri thức. □